

Bản án số: 632/2021/HSPT

Ngày: 08/12/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyền;

Ông Nguyễn Huyền Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 669/2021/TLPT-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo Tòng Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Bị cáo có kháng cáo:

Tòng Văn T, tên gọi khác: không; sinh ngày 08 tháng 6 năm 1985 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: nguyên Trưởng bản; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định đình chỉ số 01-QĐ/UBKTHU ngày 01/9/2020 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy M; con ông Tòng Văn D và bà Lương Thị L; bị cáo có vợ là Lò Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: NBC, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tòng Văn T được bầu giữ chức vụ Trưởng bản P theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn

La. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, T đã lạm dụng chức vụ quyền hạn, chiếm đoạt tiền quỹ của bản và tiền hỗ trợ nhân dân theo một số chương trình, dự án của Nhà nước. Tổng số tiền T chiếm đoạt là 696.757.600 đồng. Cụ thể:

1. Hành vi chiếm đoạt 600.566.700 đồng tiền hỗ trợ 18 hộ dân bản P có đất được Nhà nước thu hồi được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp huyện M.

Năm 2012 và 2013, bản P có 18 hộ dân có đất được Nhà nước thu hồi để làm điểm tái định cư T và được đền bù tổng số tiền 2.428.564.000 đồng. Do diện tích đất ở và sản xuất bị thu hẹp, thông qua họp bản, các hộ dân tự nguyện nộp toàn bộ số tiền được đền bù vào quỹ của bản để hoạt động chung, dựa trên quỹ đất còn lại, Ban quản lý bản sẽ điều tiết, chia đất cho 18 hộ sử dụng để có đất sản xuất.

Ngày 08/10/2014, T được bầu giữ chức vụ Trưởng bản. Sau khi nhận bàn giao quản lý sổ sách, giấy tờ và các nguồn tiền thu của bản P, T biết có khoản 600 triệu đồng trong quỹ là tiền do 18 hộ dân được đền bù khi thu hồi đất góp vào quỹ. Tháng 7/2016, T cho gửi tiết kiệm vào Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (AGRIBANK) chi nhánh huyện M để lấy lãi, khi có việc sẽ rút ra hoạt động chung và người đứng tên sổ tiết kiệm là Tòng Văn N - Phó trưởng bản P.

Tháng 8/2016, do cần tiền chi tiêu cá nhân, T đã yêu cầu Tòng Văn N 02 lần đến Ngân hàng để rút số tiền trên để T sử dụng vào việc mua máy xúc và chi tiêu cá nhân. Số tiền lãi 566.700 đồng của 02 lần rút tiết kiệm, T cũng chi tiêu cá nhân hết. Do làm ăn thua lỗ, T đã bán máy xúc để trả nợ nên không có khả năng trả lại số tiền 600.566.700 đồng cho Ban quản lý bản P. Tháng 10/2018, ông Lò Văn N được bầu giữ chức trưởng bản P thay T. Ngày 07/8/2019, Ban giám sát bản P đã làm biên bản với T, T cam kết chậm nhất là ngày 30/12/2019 sẽ trả nợ bản tất cả các khoản. Tuy nhiên, T không có khả năng trả lại tiền cho bản. Ngày 26/12/2019, ông Tòng Văn N đại diện Ban quản lý và tập thể dân bản làm đơn tố giác hành vi chiếm đoạt tài sản của Tòng Văn T.

2. Hành vi chiếm đoạt tiền hỗ trợ nhân dân trong bản và tiền quỹ hoạt động chung của bản, bao gồm:

2.1. Chiếm đoạt 3.935.900 đồng tiền hỗ trợ khai hoang, phục hóa, tạo ruộng bậc thang cho các hộ dân trong bản để sản xuất năm 2015:

Năm 2015, Bản P có 21 hộ dân khai hoang, phục hóa, tạo ruộng bậc thang được hỗ trợ sản xuất theo Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của Ủy ban nhân dân huyện M. Tổng số tiền được hỗ trợ là 58.480.000 đồng. Trách nhiệm lập danh sách và phát tiền cho từng hộ được hưởng thuộc Ủy ban nhân dân xã C. Tuy nhiên do các hộ đến lấy rải rác, việc đi lại khó khăn nên xã yêu cầu Trưởng bản đến lấy hộ, phát cho dân. Sau khi nhận số tiền hỗ trợ trên, T không chi trả cho 09 hộ mà tự ý sử dụng, chi tiêu cá nhân 10.687.700 đồng. Trước khi ông Nhờ có đơn tố cáo, T đã trả lại tiền cho hộ Quàng Văn Đ, Lò Văn O (mỗi hộ 1.231.900 đồng) và Lò Văn B1 500.000 đồng, Lò Văn T1 1.848.000 đồng; Lò Văn T2 1.140.000 đồng; Quàng Văn Q

800.000 đồng, còn chiếm đoạt 3.935.900 đồng của 5 người (Lò Văn T 924.000 đồng, Lò Văn B2 924.000 đồng, Lò Văn B1 424.000 đồng, Quảng Văn Q 432.000 đồng và Tòng Văn L 1.231.900 đồng).

2.2. Hành vi chiếm đoạt 15.100.000 đồng tiền hỗ trợ hoạt động của Đội Văn nghệ:

Từ năm 2014 đến 2017, Đội Văn nghệ của bản được hỗ trợ kinh phí để duy trì hoạt động 16.600.000 đồng. T đã chi cho Đội Văn nghệ 1.500.000 đồng để mua áo phục vụ hoạt động biểu diễn. Số tiền còn lại 15.100.000 đồng, T không chi cho Đội Văn nghệ mà chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân.

2.3. Hành vi chiếm đoạt 10.500.000 đồng tiền hỗ trợ Tổ An ninh bản:

Năm 2016-2017, Tổ An ninh bản được hỗ trợ 10.500.000 đồng từ tiền quỹ của bản. T đã trừ vào quỹ của bản nhưng không chi số tiền này cho Tổ An ninh bản.

2.4. Hành vi chiếm đoạt 50.784.000 đồng tiền các hộ dân trong bản được nhận đền bù ảnh hưởng tuyến đường tái định cư H:

Năm 2016, bản P có 10 hộ dân được Nhà nước đền bù do ảnh hưởng bởi giải phóng mặt bằng nơi đến của điểm tái định cư H, xã C, huyện M theo phiếu chi tháng 3/2016 với tổng số tiền hỗ trợ là 55.290.000 đồng. Các hộ dân được hỗ trợ tiền thống nhất đưa vào quỹ bản để hoạt động chung nhưng sau khi nhận được số tiền trên, T không nhập quỹ bản mà tự ý chi tiêu cá nhân. Trước khi ông N gửi đơn tố giác đến Công an huyện M, T đã trả lại số tiền 4.506.000 đồng, còn chiếm đoạt 50.784.000 đồng.

2.5. Hành vi chiếm đoạt 3.700.000 đồng tiền hỗ trợ Hội Nông dân xã năm 2013:

Hội Nông dân xã C quy định nam giới từ 18 đến 60 tuổi; nữ từ 18 đến 55 tuổi có hộ khẩu Thường trú tại xã sẽ được kết nạp vào Hội nông dân. Do khó khăn, mỗi hộ sẽ tính là 01 hội viên và nộp 10.000 đồng/hộ/năm. Số tiền trên do các bản thu về, nộp lên xã, sau đó nộp về Ủy ban nhân dân huyện định kỳ 05 năm/lần. Giai đoạn 2010-2015 nộp vào năm 2013, mỗi hộ 50.000 đồng. Thời điểm năm 2013, bản P có 93 hộ và Tòng Văn T giữ chức vụ Chi hội trưởng Hội Nông dân bản P. Sau khi thu số tiền 3.700.000 đồng của 74/93 hội viên, T không nộp cho Hội Nông dân xã mà chiếm đoạt, chi tiêu cá nhân.

2.6. Hành vi chiếm đoạt 4.300.000 đồng tiền hỗ trợ Thương binh, liệt sỹ 27/7:

Thực hiện Kế hoạch số 1947 ngày 10/7/2018 về tổ chức các hoạt động kỷ niệm 71 năm ngày Thương binh, liệt sỹ của Ủy ban nhân dân huyện M, Ủy ban nhân dân xã C đã triển khai vận động nhân dân trên địa bàn, đồng thời giao cho các Trưởng bản lập danh sách và thu tiền của cá nhân tự nguyện ủng hộ nộp về Ủy ban xã để tổ chức lễ kỷ niệm và tặng sổ tiết kiệm cho các đối tượng được hưởng theo quy định với mức tối thiểu 25.000 đồng/người trong độ tuổi lao động. Bản P đã vận động được 81 cá nhân ủng hộ, quyên góp được 4.300.000 đồng. Tuy nhiên, T không nộp số tiền thu được về Ủy ban nhân dân xã mà tự ý

sử dụng, chi tiêu cá nhân toàn bộ 4.300.000 đồng.

2.7. Hành vi chiếm đoạt 7.871.000 đồng tiền cho thuê đất của bản năm 2016:

Sau khi chia đất cho các hộ dân theo tiêu chuẩn, bản P giữ lại 5% quỹ đất và cho các hộ dân có nhu cầu thuê nhằm tạo quỹ bản, sử dụng cho các hoạt động chung. Năm 2016, tổng số tiền thuê đất phải thu là 28.971.000 đồng. T đã thu được 7.871.000 đồng nhưng không nhập quỹ mà chiếm đoạt, sử dụng cá nhân.

Như vậy, tổng số tiền Tòng Văn T đã chiếm đoạt là: 696.757.600 đồng.

Ban quản lý bản P yêu cầu Tòng Văn T hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 684.821.700đ. Đồng thời, yêu cầu T trả số tiền lãi phát sinh khi gửi 600.000.000 đồng tại Ngân hàng AGRIBANK chi nhánh huyện M từ năm 2017 đến năm 2019 với tổng số tiền 120.018.000 đồng. Các hộ dân tại bản P yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 3.935.900đ tiền hỗ trợ khai hoang, phục hóa, tạo ruộng bậc thang; 3.700.000đ tiền hỗ trợ Hội Nông dân xã năm 2013 và 4.300.000đ tiền hỗ trợ Thương binh, liệt sỹ 27/7.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2021/HSST ngày 22/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã áp dụng điểm điểm a khoản 3 Điều 355, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt Tòng Văn T 16 năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/9/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ thi hành án, quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định, bị cáo Tòng Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt với lý do: Bị cáo đã khai báo thành khẩn, các bị hại có xin cho bị cáo và bị cáo nhận sẽ bồi hoàn cho các bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt với lý do như đã nêu trong đơn kháng cáo. NBC cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo chưa tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa có khả năng khắc phục hậu quả. Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T vì: Bị cáo phạm tội nhiều lần, tổng số tiền chiếm đoạt gần 700 triệu đồng nhưng chưa khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Các lý do xin giảm hình phạt của bị cáo đã được cấp sơ thẩm xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, trình bày của bị cáo, Luật sư và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo T làm trong hạn luật định nên

hợp pháp và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về Nội dung:

[2.1]. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Tòng Văn T vẫn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã nêu. Lời khai của bị cáo trước sau thống nhất và phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được cũng như trình báo của các bị hại, đại diện của bản P. Do đó, có căn cứ xác định: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của trưởng bản, T đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao, chiếm đoạt tiền quỹ bản và tiền hỗ trợ nhân dân theo một số chương trình, dự án của Nhà nước. Tổng số tiền T chiếm đoạt là 696.757.600 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 355 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo:

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng mức độ nguy hiểm của hành vi và tính chất nghiêm trọng của vụ án. Theo đó, cấp sơ thẩm xác định: Bị cáo là người am hiểu pháp luật, có chức vụ quyền hạn và nắm vững các quy định của pháp luật, nhưng để có tiền chi tiêu cá nhân và chi trả các khoản nợ, bị cáo đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao chiếm đoạt tiền quỹ của bản và tiền của các hộ dân trong một thời gian dài nên không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động của các đoàn thể trong bản mà còn ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của chính quyền địa phương, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an xã hội, đồng thời gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện các chính sách xã hội tại địa phương là có căn cứ. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ như chưa tiền án, tiền sự, khai báo thành khẩn đã được cấp sơ thẩm xem xét, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp phúc thẩm nên hình phạt 16 năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là thỏa đáng, không nặng. Lý do kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo có đề cập đến việc các bị hại xin cho bị cáo nhưng với điều kiện bị cáo phải bồi hoàn số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại song thực tế bị cáo vẫn chưa bồi thường tiền cho bản cũng như các bị hại sau khi có quyết định của bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để giảm hình phạt cho bị cáo, cần giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã trình bày tại phiên tòa mới đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng

hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tòng Văn T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 106/2021/HSST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La về tội danh, hình phạt đối với bị cáo như sau:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 355, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tòng Văn T 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/9/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung (cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định; phạt tiền; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản) đối với bị cáo.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Tòng Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại giam giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu: PHCTP, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Sơn